TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 989/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:

Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Đường số C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Trần Lý Hoàng T, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: Tổ X, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: Đường số C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H thì*:*

Ông và bà Trần Lý Hoàng T quen nhau và tìm hiểu khoảng 5 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân phường phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận kết hôn số 49/2010 quyển 01/2009 ngày 27/12/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về công việc cũng như việc quản lý thời gian của cá nhân. Vợ chồng có tìm cách khắc phục nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay.

Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông H, bà T có 01 (một) con chung tên Phạm Quỳnh C (nữ), sinh ngày 16/4/2011, hiện đang sống chung với bà T. Ông H yêu cầu để bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Lý Hoàng T trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông H về việc đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn và cũng chưa ly thân. Do ông H làm công trình vì vậy thường xuyên đi xa nên hàng tuần hoặc nửa tháng ông H về nhà.

Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà T không đồng ý vì bà vẫn còn yêu chồng và muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Bà và ông H có 01 (một) con chung tên Phạm Quỳnh C (nữ), sinh ngày 16/4/2011, hiện đang sống chung với bà và ông H. Bà không đồng ý ly hôn tuy nhiên nếu phải ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng 3.000.000đồng mà ông H đề nghị không đủ để bà nuôi dưỡng con chung. Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Ông Phạm Ngọc H trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà T. Mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do khác biệt về quan điểm sống của mỗi người. Giao con chung Phạm Quỳnh C (nữ), sinh ngày 16/4/2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Lý Hoàng T trình bày: Bà không đồng ý ly hôn với ông H vì mâu thuẫn vợ chồng thực tế không có, chỉ do ông H làm công trình nên phải đi xa, bà nghi ngờ ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên có nhắn tin cho ông H dẫn đến ông H nộp đơn ly hôn, tuy nhiên theo bà thì đó chỉ là nhất thời, bà tha thứ hết cho ông H để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế ông H vẫn thương yêu quan tâm vợ con, khi ông H bệnh bà vẫn chăm sóc. Bà T đề nghị cho bà một khoảng thời gian để vợ chồng trao đổi, khắc phục, hàn gắn tình cảm. Bà còn thương yêu chồng con, muốn vợ chồng sống chung để cùng nhau xây dựng gia đình và chăm sóc con cái. Hơn nữa, con gái của ông bà rất nhạy cảm với chuyện ly hôn của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Án phí ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Lý Hoàng T cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của ông H phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông Phạm Ngọc H và bà Trần Lý Hoàng T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

cấp chứng nhận kết hôn số 49/2010 quyển 01/2009 ngày 27/12/2010, nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét, ông H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về công việc cũng như việc quản lý thời gian của cá nhân. Bà T trình bày vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, nếu có là các tranh cãi nhỏ như các gia đình khác. Với đặc trưng công việc của ông H là đi công trình nhiều nên hàng tuần có khi hai tuần ông H mới về nhà, khi về nhà thì gia đình vẫn sinh hoạt bình thường. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông H vì cho đến nay ông H cũng không nói được lý do để phải dẫn đến ly hôn với bà. Bà T mong muốn cho bà và ông H một khoảng thời gian để vợ chồng tìm cách khắc phục. Ông H cũng chỉ trình bày được lý do xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống.

Thiết nghĩ, ông H và bà T kết hôn do tự nguyện, trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu 5 năm, sống chung từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu do ông H đi làm xa nhà nên dẫn đến vợ chồng xa cách, tuy ban đầu bà T có tranh cãi với ông H về vấn đề này nên mới phát sinh mâu thuẫn. Nay, bà T đã hiểu và không còn tranh cãi với ông H nữa. Bà T nghi ngờ ông H có quan hệ với người phụ nữ khác và bà cũng xác định nếu có bà cũng sẽ tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, bản thân ông H không thừa nhận việc này. Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H.

Hơn nữa, con chung của ông H và bà T đã thể hiện tình yêu sâu sắc đối với cha mẹ, trẻ muốn sống chung với cả cha và mẹ và cho rằng nếu cha mẹ ly hôn thì trẻ không muốn sống nữa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà T chưa đến mức trầm trọng và những mâu thuẫn trên có khả năng khắc phục được nên nghĩ cần tạo điều kiện cho ông H và bà T có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau vun đắp tình cảm gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Ngọc H đối với bà Trần Lý Hoàng T.

Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về án phí, Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Phạm Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc H xin ly hôn với bà Trần Lý Hoàng T.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, ông Phạm Ngọc H phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0056760 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thanh